

TH, ngày 04 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 198/2025/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Y. Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn Thanh H, xã HQ, tỉnh TH.

Số căn cước công dân: 038186012880.

Bị đơn: Anh Lê Hữu T. Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Thanh H, xã HQ, tỉnh TH.

Số căn cước công dân: 038086019871.

- Căn cứ vào Điều 144; 147; 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55; 57; 58; 68; 69; 70; 71; 72; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 117 và 119 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 6; 9; 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Y và anh Lê Hữu T.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - *Về hôn nhân:* Chị Lê Thị Y và anh Lê Hữu T tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Lê Thị Y và anh Lê Hữu T thống nhất vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Hữu D, giới tính: Nam, sinh ngày 30/05/2008 và cháu Lê Hữu P, giới tính: Nam, sinh ngày 12/06/2014. Các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Hiện nay các cháu đang sống cùng anh T tại thôn Thanh H, xã HQ, tỉnh TH. Cháu D và cháu P có nguyện vọng xin được ở với anh T. Ly hôn, giao cháu D và cháu P cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị Y cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng/1 cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 03/2026 cho đến khi các cháu thành niên.

Chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản và nghĩa vụ chung*: Chị Lê Thị Y và anh Lê Hữu T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Lê Thị Y và anh Lê Hữu T thống nhất thỏa thuận chị Y chịu toàn bộ tiền án phí DS – HNGĐ sơ thẩm là 150.000 đồng và 150.000 đồng án phí của người cấp dưỡng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0004269 và 0004272 ngày 22 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án Dân sự tỉnh TH. Anh T không phải chịu án phí.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 10 – TH;
- Thi hành án Dân sự tỉnh TH;
- TAND tỉnh TH;
- UBND xã HQ, tỉnh TH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Xuân Vinh